

CHỦ ĐỀ 11: BẠN BÈ

BÀI 1: AN ĂN ÂN (tiết 1 – 2, SHS, tr.110 – 111)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Bạn bè* (*bạn bè, bàn đá, ân cần, đi lên/ đi đến, trốn tìm, sơn ca, hòn non bộ, phun nước, ...*).
- 1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *vần an, ăn, ân* (*bàn đá, hoa lan, sân, ...*).
2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của *vần an, ăn, ân*. Đánh vần và ghép tiếng chứa *vần* có âm cuối “n”; hiểu nghĩa các từ đó.
3. Viết được các *vần an, ăn, ân* và các *tiếng*, từ ngữ có các *vần an, ăn, ân*.
4. Đánh vần, đọc trọn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được đoạn ứng dụng và hiểu nghĩa của đoạn ứng dụng mức độ đơn giản.
5. Nói được câu có từ ngữ chứa *tiếng* có *vần* được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Thẻ từ các *vần an, ăn, ân*.

– Một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ. (GV có thể chuẩn bị thêm bài về có nội dung về bạn bè, ghi sẵn lên bảng phụ, hoặc ghi vào phiếu bài tập, VD: trò chơi *Xây khán* có cài đặt thêm các từ ngữ có tiếng chúa vẫn *an, ăn, ân* liên quan Chủ đề *Bạn bè: màn, chăn, khán/ là bạn thân một nhà/ Xây khán, xây khán, khán nồi khán chìm/ Ba bên, bốn phía đi tìm cái khán/ Bạn màn che chăn gió sương/ Bạn chăn chăn lạnh, giữ gìn yêu thương/...*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí. (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan chủ đề *Bạn bè*. Trò chơi gợi ý: “Ai cần?”: – *Ai cần? Ai cần?, – Tôi cần tôi cần. Cần gì? Cần gì?, – Cần bàn, cần khăn, cần cân,...*). Hoạt động giải trí gợi ý: HS nghe bài hát *Đường và chân* (Hoàng Long), HS có thể vỗ thay hát theo.

– HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có tiếng chúa *at, át, át; ot, ôt, ôt; ut, út; trả lời* một vài câu hỏi về nội dung của các bài đọc thuộc chủ đề *Ngày chủ nhật*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 110.
- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề, quan sát chữ ghi tên chủ đề; HS có thể tìm đọc âm chữ đã học có trong tên chủ đề.
- HS trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, nếu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Bạn bè* (*bạn, bàn, sân, bên, lan,...*).
- HS quan sát tranh khởi động và nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh. (“Tranh vẽ những ai?” (*các bạn nhỏ*), “Họ đang làm gì, ở đâu?” (*sân*), “có những gì?” (*bàn đá, giò hoa lan, ban công, khăn rằn, chân*,...)).
- HS nêu các tiếng có *an, ăn, ân* đã tìm được (*bạn, lan, bàn, chân, rằn, khăn, sân*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *an, ăn, ân*).
- HS phát hiện ra các vẫn *an, ăn, ân*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*an ăn ân*).

3. Nhận diện vẫn, tiếng có vẫn mới

3.1. Nhận diện vẫn mới

a. Nhận diện vẫn *an*

- HS quan sát, phân tích vẫn *an* (âm *a* đứng trước, âm *n* đứng sau).
- HS đánh vẫn *an*: *a-nờ-an*.

- b. Nhận diện **vần ăn** (tương tự như với **vần an**)
- c. Nhận diện **vần ân** (tương tự như với **vần an**)
- d. Tìm điểm giống nhau giữa các **vần an, ăn, ân**
 - HS so sánh **vần an, ăn, ân**.
 - HS nêu điểm giống nhau giữa **vần an, ăn, ân** (đều có âm *n* đứng cuối **vần**).

3.2. Nhận diện và đánh **vần mô hình tiếng**

- HS quan sát mô hình đánh **vần tiếng** có **vần kết thúc** bằng “*n*”.
- HS phân tích **tiếng đại diện – bạn** (gồm âm *b*, **vần an** và thanh *nặng*).
- HS đánh **vần tiếng** theo mô hình: *bờ-an-ban-nặng-bạn*.
- HS đánh **vần thêm tiếng** khác, VD: *ràn (rờ-ăn-răn-huyền-ràn)*, *chân (chờ-ân-chân)*.

4. Đánh **vần tiếng** **khoá, đọc trọn từ** **khoá**

4.1. Đánh **vần và đọc trọn từ** **khoá bạn học**

- HS phát hiện **từ khoá bạn học**, **vần an** trong **tiếng khoá bạn**.
- HS đánh **vần tiếng** **khoá bạn**: *bờ-an-ban-nặng-bạn*.
- HS đọc trọn **từ khoá bạn học**.

4.2. Đánh **vần và đọc trọn từ** **khoá thợ lặn** (tương tự như với **từ khoá bạn học**)

4.3. Đánh **vần và đọc trọn từ** **khoá sân chơi** (tương tự như với **từ khoá bạn học**)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết **vần an** và **từ bạn**

a1. Viết **vần an**

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của **vần an** (**vần an** gồm chữ *a* và chữ *n*, chữ *a* đứng trước, chữ *n* đứng sau).
- HS viết **vần an** vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết **từ bạn**

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của **chữ bạn** (chữ *b* đứng trước, **vần an** đứng sau, dấu ghi thanh nặng đặt dưới chữ *a*).
- HS viết **từ bạn** vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. *Viết vần ăn và từ lặn (tương tự viết an, bạn)*

c. *Viết vần ân và từ sân (tương tự viết an, bạn)*

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *an, bạn, ăn, lặn, ân, sân* vào VTV.
 - HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
 - HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
- ❖ **Lưu ý:** GV có thể nhắc nhở HS chú ý để tránh lỗi chính tả *-n/-ng*.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trọn

6.1. *Dánh vần, đọc trọn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng*

- HS đánh vần và bước đầu đọc trọn các từ mở rộng chứa *vần an, ăn, ân* (*gần gũi, bàn bạc, ân cần, gắn bó*).
 - HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
 - HS tìm thêm các từ có chứa *an, ăn, ân* (*trán, chán, khăn, bàn, ...*).
- 6.2. *Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng***
- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
 - HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
 - HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng cả bài.
 - HS tìm hiểu nội dung bài “*Ai là bạn của bé?*”, “*Bạn bè với nhau phải như thế nào?*”.

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (Tranh vẽ những vật gì?, Vật đó như thế nào?, Em có thích vật đó không? Vì sao?).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: cùng bạn hỏi đáp về các vật có trong tranh (tên gọi, màu sắc, công dụng, thích hay không, vì sao). GV nhận xét, khuyến khích theo số câu được nói ra.
- HS cùng bạn hỏi đáp về *cái cân, cái bàn học, cái khăn* (trong nhóm, trước lớp).

GV tổ chức một số trò chơi giúp HS nhận diện lại tiếng, từ chứa *vần an, ăn, ân*. (GV có thể tổ chức cho HS thi gọi tên nhanh các vật “Cái gì đây?”; hoặc tổ chức cho HS chơi các trò chơi kèm đọc/ hát/ nói dạng đồng dao có xuất hiện nhiều tiếng có *vần an, ăn, ân*; hoặc tổ chức trò chơi *Xây khăn*).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *an, ăn, ân*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *en, ên, in*).

BÀI 2: EN ÂN IN (tiết 3 – 4, SHS, tr.112 – 113)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *an, ăn, ân* bằng *en, ên, in*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *an, ăn, ân* bằng *en, ên, in*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hay một hoạt động giải trí khác có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói từ có tiếng chứa vần *an, ăn, ân*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 112.
- HS quan sát tranh, trao đổi, nói từ ngữ có tiếng chứa vần *en, ên, in* (“Hai bạn đi lên hay đi xuống?” (đi lên), “Vịn tay vào đâu?” (tay vịn cầu thang.), “Hai bạn nhỏ đang thổi giòi” (kèn); “Bạn nhỏ vừa đánh đàn vừa làm gì?” (nhìn bản nhạc), “Đàn màu gì” (đen).).
- HS nêu các tiếng có *en, ên, in* đã tìm được (kèn, đèn, tên, lên, vịn, nhìn).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *en, ên, in*).
- HS phát hiện ra các vần *en, ên, in*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*en, ên, in*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *en*

- HS quan sát, phân tích vần *en* (âm *e* đứng trước, âm *n* đứng sau).
- HS đánh vần vần *en*: *e-nò-e-n*.

b. Nhận diện vần *ên* (tương tự như với vần *en*)

c. Nhận diện vần **in** (tương tự như với vần en)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần **en, ên, in**

– HS so sánh vần **en, ên, in**.

– HS nêu điểm giống nhau giữa các vần **en, ên, in** (đều có âm **n** đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “n”.

– HS phân tích tiếng đại diện – **kèn** (gồm âm **k**, vần **en** và thanh huyền).

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: **ca-en-ken-huyền-kèn**.

– HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: **lên (lờ-ên-lên)**, **nhìn (nhờ-in-nhin-huyền-nhin)**.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trọn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trọn từ khoá cái kèn

– HS phát hiện từ khoá **cái kèn**, vần **en** trong tiếng khoá **kèn**.

– HS đánh vần tiếng khoá **kèn**: **ca-en-ken-huyền-kèn**.

– HS đọc trọn từ khoá **cái kèn**.

4.2. Đánh vần và đọc trọn từ khoá cây nến (tương tự như với từ khoá cái kèn)

4.3. Đánh vần và đọc trọn từ khoá đèn pin (tương tự như với từ khoá cái kèn)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần **en** và từ **kèn**

a1. Viết vần **en**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần **en** (vần **en** gồm chữ **e** và chữ **n**, chữ **e** đứng trước, chữ **n** đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần **an**.)

a2. Viết từ **kèn**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ **kèn** (chữ **k** đứng trước, vần **en** đứng sau, dấu ghi thanh huyền đặt trên chữ **e**).

(Các bước tiếp theo giống như viết từ **bạn**.)

b. Viết vần **ên** và từ **nến** (tương tự viết **en, kèn**)

c. Viết vần **in** và từ **pin** (tương tự viết **en, kèn**)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *en, kèn, ên, nén, in, pin* vào VTV.
 - HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
 - HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
- ❖ **Lưu ý:** GV có thể nhắc nhở HS chú ý để tránh lỗi chính tả *-n/-ng*.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trọn

6.1. Đánh vần, đọc trọn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và bước đầu đọc trọn các từ mở rộng chứa vần *en, ên, in* (*thân mềm, bển chặt, khen ngợi, tin vui*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có tiếng chứa vần *en, ên, in* (*bảng đen, cô khen, số chín, mũi tên,...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng cả bài.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (Những đồ vật nào là bạn của bé?, Bé ghi tên mình lên đâu?, Ai rèn cho bé thói quen giữ gìn đồ vật cẩn thận?).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?, Đọc cụm từ trong bóng nói.).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: cùng bạn hát bài hát thiếu nhi. Ưu tiên bài hát có từ ngữ chứa tiếng có vần được học.
- HS hát bài hát *Đội kèn tí hon* (trong nhóm, trước lớp).
(GV có thể sử dụng bài đồng dao *Chín chú nhện con*.)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *en, ên, in*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *on, ôn*).

BÀI 3: ÔN ÔN (tiết 5 – 6, SHS, tr.114 – 115)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *an*, *ă̄n*, *â̄n* bằng *on*, *ô̄n*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *an*, *ă̄n*, *â̄n* bằng *on*, *ô̄n*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện trò chơi hoặc tham gia hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề (Trò chơi gợi ý: kết hợp đọc bài đồng dao HS quen thuộc, như *Mười ngón tay*, *Gà con giúp mẹ*,...).

– HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần *en*, *ê̄n*, *in*.

2. Khởi động

– HS mở SHS, trang 114.

– HS quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa vần *on*, *ô̄n* (“Bạn nhỏ/ cầu thủ đứng ngay trước khung thành để bắt bóng gọi là gì?” (*thủ môn/ giữ gôn*), “Chờ bóng để bắt bóng hoặc đá chuyển sang hướng khác gọi là đón bóng hay đá bóng?” (*đón bóng*), “Quả bóng hình gì?” (*khối tròn*); “Các bạn nhỏ đang làm gì?” (*choi tròn tim*).).

– HS nêu các tiếng có *on*, *ô̄n* đã tìm được (*đón*, *tròn*, *gôn*, *trốn*).

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có *on*, *ô̄n*).

– HS phát hiện ra các vần *on*, *ô̄n*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*on*, *ô̄n*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *on*

– HS quan sát, phân tích vần *on* (âm *o* và âm *n*, âm *o* đứng trước, âm *n* đứng sau).

– HS đánh vần *on*: *o-nò-on*.

b. Nhận diện vần *ô̄n* (tương tự như với vần *on*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *on*, *ô̄n*

– HS so sánh vần *on*, *ô̄n* (và các vần đã học ở bài 1, 2).

- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *n* đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “n”.
- HS phân tích tiếng đại diện: *nón* (gồm âm *n*, vần *on* và thanh sắc).
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *nò-on-non-sắc-nón*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *gôn* (*gò-ôn-gôn*).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trọn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trọn từ khoá nón lá

- HS phát hiện từ khoá *nón lá*, vần *on* trong tiếng khoá *nón*.
- HS đánh vần tiếng khoá *nón*: *nò-on-non-sắc-nón*.
- HS đọc trọn từ khoá *nón lá*.

4.2. Đánh vần và đọc trọn từ khoá thủ môn (tương tự như với từ khoá nón lá)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần on và từ nón lá

a1. Viết vần on

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *on* (vần *on* gồm chữ *o* và chữ *n*, chữ *o* đứng trước, chữ *n* đứng sau).

- HS viết vần *on* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết từ nón lá

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *nón* (chữ *n* đứng trước, vần *on* đứng sau, dấu ghi thanh sắc đặt trên chữ *o*).

- HS viết từ *nón lá* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần ôn và từ thủ môn (tương tự viết on, nón)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *on, nón lá, ôn, thủ môn* vào VTV.

- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trọn

6.1. Dánh vần, đọc trọn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trọn các từ mở rộng chứa vần *on, ôn* (*bàn tròn, ghế đôn, bòn bon, nhào lộn*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa vần *on, ôn* (*bảng con, ngọn cây; môn học, vui nhộn,...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chúa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần chữ có âm vần khó (do câu tạo, do vần mới hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *bòn bon, triều, ôn tồn,...*) và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung (“Cây gì của nhà bé trĩu quả?” (*bòn bon*), “Mẹ bảo bé chia bòn bon chín cho ai?” (*bạn bè*), “Các bạn khen bòn bon thế nào?” (*ngon ngọt*),...).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?”; Đọc cụm từ trong bóng nói.).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: cùng bạn đọc, múa bài phỏng theo đồng dao “Đàn gà con”.

– HS đọc, múa bài phỏng theo đồng dao “Đàn gà con” (trong nhóm, trước lớp).

(GV có thể sử dụng bài đồng dao *Ba bà đi bán lợn con* hoặc một bài hát thiếu nhi hay một bài đồng dao vui nhộn khác, có nội dung liên quan với chủ đề *Bạn bè*)

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ ngữ có *on, ôn*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *on, un*).

BÀI 4: ÔN UN (tiết 7 – 8, SHS, tr.116 – 117)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *an*, *ă̄n*, *â̄n* bằng *on*, *un*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *an*, *ă̄n*, *â̄n* bằng *on*, *un*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi hoặc tham gia hoạt động giải trí.
- HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần *on*, *ô̄n*. (*bòn bon*, *ngon ngọt*,...).

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 116.
- HS quan sát tranh, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *on*, *un* (“Hai bạn nhỏ mặc áo thun hay áo sơ mi?” (*áo thun*), “Hai bạn nhỏ đang xem hoa gì?” (*lay on*), “Gần chỗ hai bạn nhỏ đứng có hoa gì?” (*mẫu đơn*), “Giữa sân có cái gì đang phun nước?” (*đài phun nước*)).
- HS nêu các tiếng có *on*, *un* đã tìm được (*on*, *đơn*, *thun*, *un*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *on*, *un*).
- HS phát hiện ra các vần *on*, *un*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*on un*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *on*

- HS quan sát, phân tích vần *on*.
- HS đánh vần vần *on*: *o-nò-on*.

b. Nhận diện vần *un* (tương tự như với vần *on*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *on*, *un*

- HS so sánh vần *on*, *un*.

- HS nêu điểm giống nhau giữa vần *on* và *un* (đều có âm *n* đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “n”.
- HS phân tích tiếng đại diện – đơn (gồm âm *d*, vần *on*).
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *đờ-on-don*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *phun* (*phờ-un-phun*).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trọn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trọn từ khoá xà đơn

- HS phát hiện từ khoá *xà đơn*, vần *on* trong tiếng *đơn*.
- HS đánh vần tiếng khoá *đơn*: *đờ-on-don*.
- HS đọc trọn từ khoá *xà đơn*.

4.2. Đánh vần và đọc trọn từ khoá áo thun (tương tự như với từ khoá xà đơn)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần on và từ xà đơn

a1. Viết vần on

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *on* (vần *on* gồm chữ *o* và chữ *n*, chữ *o* đứng trước, chữ *n* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *on*.)

a2. Viết từ xà đơn

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *đơn* (chữ *đ* đứng trước, vần *on* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết từ *nón lá*.)

b. Viết vần un và từ áo thun (tương tự viết on, xà đơn)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *on*, *xà đơn*, *un*, *áo thun* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trọn

6.1. Dánh vần, đọc trọn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trọn các từ mở rộng có tiếng chúa vẫn *on, un* (*son ca, mèo mun, đơn ca, nhặt giấy vụn*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa vẫn *on, un* (*son cửa, cao lớn; cún con, chú lùn, ...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chúa vẫn mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó (do cấu tạo, do vẫn mới hoặc do ảnh hưởng phuơng ngữ, VD: *bạn, sáo, hát, đơn ca*) và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài đọc (“Bạn Hà thi gì?”, “Ai hát đơn ca?”).

7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu lệnh *Đọc gì?*.

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?”; Đọc câu trong các bóng nói.).

– HS xác định yêu cầu của HDMR: chia sẻ với bạn bài thơ, bài hát, mẫu chuyện mình đã đọc.

– HS nói với bạn tên bài thơ, bài hát hoặc mẫu chuyện mình đã đọc (trong nhóm, trước lớp).

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ ngữ có *on, un*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

THỰC HÀNH (TIẾT 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vẫn *an, ăn, ân; en, ên, in; on, ôn; ôn, un*.

2. Nhận diện đúng vẫn được học trong tiếng, từ.

3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trọn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không; ưu tiên trò chơi liên quan đến chủ đề *Bạn bè*, VD: Đọc, nói, chơi vận động theo bài đồng dao *Tay trắng tay đen*).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần đã học.

2. Luyện tập đánh vần, đọc trọn, tìm hiểu nội dung bài đọc

2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trọn từ ngữ

- HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Nghe vẻ ve ve* (VBT, tập một, tr. 39), đánh vần các tiếng đó (GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kỹ năng đánh vần).

2.2. Luyện tập đọc trọn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Nghe vẻ ve ve*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (tên bài đọc là gì, chú vịt nhựa kêu thế nào).
(GV lựa chọn các bài tập ở VBT hoặc có thể biên soạn thêm cho phù hợp với HS).

3. Luyện tập thực hành các âm vần mới

- HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.
- HS làm bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học trong tuần.
- HS rà soát, sửa lỗi nếu có.
(GV lựa chọn các bài tập ở VBT và có thể biên soạn thêm cho phù hợp với HS.)

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ ngữ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *an – ang*, *ẵn – ẵng*, *â̄n – â̄ng*, *ê̄n – ô̄n*, ...).
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr.118 – 119)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Nhận diện được các vần *an, ẵn, â̄n; en, ê̄n, in; on, ô̄n; ô̄n, un*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, đọc trọn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, VTV, SGV
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi có cài đặt một số từ ngữ có vần được học và có liên quan đến chủ đề.).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần mới được học ở bài 4.

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 118.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần vừa học trong tuần.

- HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *an, ăn, ân; en, ên, in; on, ôn; ôm, un*.
- HS tìm từ ngữ có tiếng chúa vần *an, ăn, ân; en, ên, in; on, ôn; ôm, un*.
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chúa vần *an, ăn, ân; en, ên, in; on, ôn; ôm, un*.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trọn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trọn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài.
- HS đánh vần và đọc trọn các tiếng có vần được học trong tuần.

3.2. Luyện tập đọc trọn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu về bài thơ (“Hãy cho biết tên của bài em vừa đọc.”, “Tác giả của bài đó là ai?”, “Bài em vừa đọc là thơ hay là văn?”, “Có những nhân vật nào được nhắc đến trong bài?”, “Kể tên những việc làm của mỗi nhân vật trong bài”, “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *gắn bó, chia sẻ*.
- HS tìm từ chứa vần học trong tuần (*gắn*); quan sát các chữ dễ bị sai chính tả: *chia, sẻ*.
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng trong từ.
- HS đọc trọn cụm từ ứng dụng; viết cụm từ ứng dụng vào vở.

4.2. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT.
- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Bạn bè*.
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động. Tuỳ vào nội dung bài học và thời gian cho bài học, GV có thể cho HS hát/ đọc đồng dao, đọc thơ, hát bài hát thiếu nhi vui nhộn (ưu tiên bài có nhiều tiếng có vần vừa được ôn và liên quan đến chủ đề của bài học).

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ chưa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; hướng dẫn HS đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Bạn mới của khỉ con*).

B. KỂ CHUYỆN (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Bạn mới của khỉ con*, tên chủ đề *Bạn bè* và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tin yêu việc làm trung thực, những hành động đẹp; biết quý trọng bạn bè.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh họa truyện phóng to (nếu có).

(Tương tự kiểu bài kể chuyện ở phần hướng dẫn chung; tranh ảnh cú mèo, mèo; hoặc video clip cảnh cú mèo, mèo bắt chuột (nếu có); mặt nạ cú mèo, mèo, khỉ (GV tự tạo mặt nạ các nhân vật bằng cách vẽ phác họa cú mèo, mèo, khỉ vào giấy A4 hoặc giấy bìa,... để dùng cho kể phân vai).

Nội dung truyện

Bạn mới của khỉ con

1. Một hôm, khỉ con trông thấy trên cây cao cạnh nhà có một tổ chim mới. Nó rất vui và tìm đến nhà bạn mới để làm quen. Nhưng lần nào đến, người hàng xóm mới cũng ngủ say, khỉ con không thể gặp được. Nó lấy làm lạ: “Sao bạn ấy ngủ suốt ngày thế? Phải thức dậy làm việc cùng mọi người chứ!”.

2. Khi con ra thăm vườn ngô và thấy ngô bị mất cắp. Nhìn dấu chân chuột để lại, khỉ con nghĩ sẽ nhờ mèo đến bắt chuột giúp.

3. Nhưng ngay đêm ấy, tiếng “chít chít” khiến khỉ con thức giấc. Nhìn ra vườn, khỉ con thấy một con gì đó lao xuống bắt tên chuột đầu đàn, các con chuột khác hoảng sợ chạy tán loạn.

4. Sáng hôm sau, nghe khỉ con kể lại, mèo con nhìn lên tổ chim trên cành cây cao rồi nói:

– Cú mèo đã bắt chuột giúp cậu ấy.

– Cậu ấy ngủ nướng cả ngày!

– Cậu ấy phải ngủ ngày để ban đêm bắt chuột.

Lúc ấy, khỉ con mới hiểu người bạn mới không hề lười biếng!

(Phạm Nguyễn Đức phỏng theo *Hàng xóm của Gấu con*,
365 chuyện kể hằng đêm)

Câu hỏi:

1. Bạn mới của khỉ con là ai?

2. Theo em, khỉ con sẽ quý mến bạn mới của mình không sau khi biết bạn ấy không hề lười biếng?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS trả lời câu hỏi về truyện kể tuần trước. “Tên câu chuyện là gì?” (*Sóc và duí*), “Câu chuyện kể về những ai?” (*sóc, duí*), “Em thích nhân vật/ chi tiết nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đánh vần và đọc tên truyện *Bạn mới của khỉ con*.

– HS quan sát tranh minh họa, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những con vật nào?”, “Những con vật nào xuất hiện nhiều?”, (*khỉ con, cú mèo*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*vườn nhà khỉ con*), “Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật khỉ con?” (*người bạn mới ngủ suốt ngày, chuột trộm ngô của khỉ con, có người bắt chuột giúp khỉ con, ...*), “Em nghĩ mình sẽ kể câu chuyện bằng giọng nói và ánh mắt như thế nào?”,...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới (GV dựa vào tên bài và tranh minh họa để giới thiệu.).

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát ánh mắt giọng nói của GV khi kể từng đoạn chuyện (GV lưu ý sử dụng câu hỏi dưới mỗi bức tranh để giúp HS ghi nhớ nội

dung từng đoạn truyện; GV cần chú ý thể hiện sự đổi thay ánh mắt, gương mặt, giọng điệu phù hợp với từng đoạn truyện; sử dụng câu hỏi kích thích phỏng đoán, VD: “Người bạn mới có lười biếng như khi con nghĩ không?”, “Chuyện gì sẽ xảy ra? Có phải bạn mèo bắt chuột giúp khi con không?”, ...).

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Có mấy nhân vật?” (*khi con, mèo con, chuột, cú mèo*), “Nhờ đâu mà khi con hiểu người bạn mới không hè lười biếng?”, “Qua câu chuyện, em biết thêm điều gì về mèo và cú mèo?”, “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”)

❖ **Lưu ý:** Nếu có HS đọc được câu dưới mỗi tranh, GV có thể hướng dẫn HS và cho phép HS đọc để dựa vào đó kể từng đoạn truyện.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện *Bạn mới của khi con*, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.
- HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà; đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Trung thu*).